TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **01**/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ

Thư ký phiên họp: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 152/2026/TLST-VDS, ngày 09/4/2026, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Song ThLê A 03, xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt).

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Lê H**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Hiệp Đức 02, xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng. Ông Lê H ủy quyền cho bà Nguyễn T.

2/ Ông **Lê Q**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn ThLê A Giang 01, xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng. (văng mặt).

3/ Cháu **Lê A**, sinh năm 2019; Địa chỉ: Thôn Song ThLê A 03, xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê A: Bà Nguyễn T (mẹ cháu Lê A).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 30/3/2026 và lời khai của bà Nguyễn T trình bày: Bà và ông Lê Q kết hôn vào năm 2004, có với nhau 04 người con tên Lê V – sinh ngày 09/12/2003, Lê Bảo ThLê A – sinh ngày 24/02/2005, Lê Tr – sinh ngày 10/10/2008 và Lê Th – sinh ngày 04/12/2012. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Lê Q phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân một thời gian dài. Trong thời gian ly thân bà có quan hệ tình cảm với ông Lê H. Đến năm 2019 bà có thai con của ông Lê H. Do đó bà đã làm đơn xin ly hôn với ông Lê Q. Ngày 23/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cũ đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 263/2019/QĐST – HNGĐ. Khi ly hôn bà đang có thai

con của ông Lê H tháng thứ 7, ông Lê Q có biết việc bà có thai. Đến ngày 01/10/2019, bà sinh 01 bé trai đặt tên là Lê A (tên ở nhà gọi là B). Bà và ông Lê H đã đăng ký kết hôn nhưng cháu Lê A vẫn chưa đăng ký khai sinh, do đó bà yêu cầu Tòa án xác định ông Lê H – sinh năm 1987 là cha đẻ của Lê A – sinh ngày 01/10/2019 có Giấy chứng sinh số 36, quyển số 15/2019 do Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận cấp ngày 01/10/2019.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê H trình bày: Vào năm 2019 ông và bà Nguyễn T có quan hệ yêu đương, khi đó bà Nguyễn T đang ly thân với ông Lê Q. Sau đó bà Nguyễn T có thai con của ông và làm đơn ly hôn với ông Lê Q. Đến ngày 01/10/2019, sau khi ly hôn xong thì bà Nguyễn T sinh con trai đặt tên là Lê A. Ông thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn T, đề nghị Tòa án công nhận ông là cha đẻ của Lê A – sinh ngày 01/10/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Q đã nhận được giấy triệu tập và quyết định mở phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ông Lê T (cha đẻ của ông Lê Q) trình bày: Khi con trai ông đi làm ăn xa thì bà Nguyễn T có quan hệ tình cảm với người khác và có thai, sau khi sinh ra bà Nguyễn T đặt tên là B. Thời gian đầu gia đình ông vẫn nghĩ B là con đẻ của ông Lê Q, đến năm 2024 gia đình ông nghi ngờ nên có lấy mẫu tóc của B và Lê Q để xét nghiệm thì mới biết B không phải là con đẻ của Lê Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng giải quyết việc dân sự, thu ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật Tố tụng dân sự về giải quyết việc dân sự;

Việc chấp hành quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Nguyễn T và người có quyền lợi, nghiã vụ liên quan ông Lê H trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 68, 70 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Việc chấp hành quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghiã vụ liên quan ông Lê Q trong quá trình giải quyết không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 68, 70 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Lê Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn T. Bà Nguyễn T được miễn nộp án phí việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn T hiện đang cư trú tại thôn Song ThLê A 03, xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng; Bà Nguyễn T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định ông Lê H là cha đẻ của cháu Lê A nên đây là yêu cầu xác định cha cho con thuộc yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc bà Nguyễn T yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng

Về sự vắng mặt của ông Lê B: Trong quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên họp nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và xem như từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục mở phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung yêu cầu: Bà Nguyễn T yêu cầu Tòa án xác định ông Lê H – sinh năm 1987 là cha đẻ của Lê A – sinh ngày 01/10/2019 có Giấy chứng sinh số 36, quyển số 15/2019 do Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận cấp ngày 01/10/2019.

Tại bản kết luận giám định AND số BT26.2415 ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Công ty TNHH Di truyền DNA testings lab kết luận ông Lê H có quan hệ huyết thống cha - con với Lê A, độ tin cậy 99,9999%.

Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng có đủ cơ sở kết luận ông Lê H – sinh năm 1987 là cha đẻ của cháu Lê A, sinh ngày 01/10/2019 theo quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Dồng phù hợp với nhận định của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Đây là yêu cầu xác định cha cho con chưa đủ 18 tuổi nên người yêu cầu là bà Nguyễn T được miễn lệ phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 88, Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 88, Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Lê Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn T về việc xác định ông Lê H, sinh ngày 06/7/1987 là cha đẻ của cháu Lê A, sinh ngày 01/10/2019 có Giấy chứng sinh số 36, quyển số 15/2019 do Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận cấp ngày

01/10/2019.

Bà Nguyễn T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các giấy tờ hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn T được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Hoàn trả cho bà Nguyễn T số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại biên lai thu tiền số 0006212 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 14 – Lâm Đồng
- Phòng THADS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Thị Mỹ Kỷ

TAND KHU VỰC 14

WI3220526.TL.QDBA
857